

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ
ĐẦU TƯ HÀ NỘI**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI



Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3941 2626

Fax: (84.4) 3934 7818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ
ĐẦU TƯ HÀ NỘI**

Hapro



Địa chỉ: Số 93 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 37676269

Fax: (84.4) 37470434

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL



Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 7083

Fax: (84.4) 3936 7082

Tháng 07 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....	3
1. Đơn thị thực hiện bán đấu giá cổ phần.....	5
2. Đơn vị chào bán.....	5
3. Đơn vị tư vấn.....	5
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	6
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	7
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển của Công ty.....	7
2. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp.....	7
3. Ngành nghề kinh doanh.....	8
4. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu.....	10
5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội trước khi cổ phần hóa: (Tại thời điểm 30/06/2015).....	10
6. Phương án sử dụng lao động sau khi cổ phần hóa.....	12
7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	13
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	17
9. Danh sách công ty mẹ và công ty con:.....	21
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	21
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	31
II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....	32
1. Cơ sở pháp lý để chuyển đổi thành Công ty cổ phần.....	32
3. Điều kiện cổ phần hóa.....	33
4. Hình thức cổ phần hóa.....	33
5. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.....	33
9. Các giải pháp thực hiện kinh doanh.....	38
PHẦN V: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ.....	41
1. Vốn điều lệ.....	41
2. Cơ cấu vốn điều lệ.....	41

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	41
I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN	41
1. Rủi ro về kinh tế	41
2. Rủi ro pháp lý	43
3. Rủi ro đặc thù.....	44
4. Rủi ro của đợt chào bán	44
5. Rủi ro khác.....	44
II. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN .	45
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA	45
IV. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HOÁ.....	46
V. NHỮNG CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	47
1. Ban Chi đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội	47
2. Đại diện Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội.....	47
3. Đại diện Tổ chức Tư vấn	47

PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 26/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2015;

- Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 18/03/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành các Quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội năm 2014;
- Quyết định số 3965/QĐ-UBND ngày 24/07/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội;
- Quyết định số 4666/QĐ-STC-BCĐ ngày 31/07/2014 của Ban chỉ đạo về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội;
- Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 19/05/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập bộ phận thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 16 tháng 06 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội.

PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. Đơn thị thực hiện bán đấu giá cổ phần

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 3941 2626 Fax: (84.4) 3934 7818

2. Đơn vị chào bán

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 93 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 37676269 Fax: (84.4) 37470434

3. Đơn vị tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

- Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 3936 7083 Fax: (84.4) 3936 7082

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

“Công ty”: Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội được thành lập theo quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 15 tháng 07 năm 1975 của UBND Thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106962 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lại lần thứ 8 ngày 25 tháng 3 năm 2014 do chuyển đổi từ Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội thành Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội.

1. “**Cổ phần**”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
2. “**Cổ phiếu**”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
3. “**Cổ đông**”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.
4. “**Cổ tức**”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
5. “**Vốn điều lệ**”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được Quy định tại Điều lệ Công ty.
6. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

CTCP	:	Công ty cổ phần
TIC	:	Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
BGD	:	Ban Tổng giám đốc
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
HĐLĐ	:	Hợp đồng lao động
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TSLĐ	:	Tài sản lưu động
UBND	:	Ủy ban nhân dân
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội
CPH	:	Cổ phần hóa
DNNN	:	Doanh nghiệp Nhà nước
HĐKD	:	Hoạt động kinh doanh
KT-XH	:	Kinh tế xã hội
GTDN	:	Giá trị doanh nghiệp

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển của Công ty

Ngày 15/7/1975, UBND thành phố Hà Nội ký quyết định số 683/QĐ-UB thành lập Xí nghiệp Mây tre thuộc Công ty Ngoại Thương Hà Nội.

Căn cứ Nghị định 388-HĐBT/20/11/1991, ngày 19/12/1992 UBND Thành phố Hà Nội có Quyết định số 3307/QĐ-UB thành lập Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội (TIC Hanoi) trên cơ sở tiền thân là Xí nghiệp Mây tre thuộc UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 30/7/2003, UBND thành phố Hà Nội có Quyết định số 4452/QĐ-UB thành lập Hội đồng giải thể doanh nghiệp Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội thuộc Liên hiệp Unimex Hà Nội, nhưng không giải thể được.

Ngày 02/02/2007, UBND Thành phố Hà Nội có quyết định số 466/QĐ-UBND về việc chuyển giao Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội (TIC) thuộc Liên hiệp Unimex Hà Nội về Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

Ngày 13/7/2010, UBND TP Hà Nội ra quyết định số 3472/QĐ-UB về việc chuyển Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội thành công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội trực thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội (HAPRO).

2. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp

- Tên gọi đầy đủ : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI**
- Tên gọi tắt : TIC
- Tên tiếng Anh : HANOI TRADING AND INVESTMENT COMPANY LIMITED
- Trụ sở giao dịch : Số 93 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 37376269 Fax: (84.4) 37470434
- Email : tic@haprogroup.vn
- Website : Không có
- Logo công ty : 

- Vốn điều lệ :
- + Vốn điều lệ đăng ký: **5.833.014.720 đồng**

- + Vốn điều lệ thực góp: **5.405.801.538 đồng**
- Cơ quan quản lý Nhà nước (Chủ sở hữu): **Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội**
- Cơ quan chủ quản (đại diện Chủ sở hữu): **Tổng công ty Thương mại Hà Nội**
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên; hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng.
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100106962 thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 03 năm 2014 do chuyển đổi từ Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội thành Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106962 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 3 năm 2014, Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội hoạt động kinh doanh các ngành nghề sau:

Bảng số 01: Ngành nghề kinh doanh của công ty

3.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

TT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán lẻ ô tô con	4512
2	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
3	Bán mô tô, xe máy	4541
	<i>Chi tiết:</i>	
	- Bán buôn mô tô, xe máy	
	- Bán lẻ mô tô, xe máy	
4	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
5	Bán buôn gạo	4631
6	Bán buôn thực phẩm	4632
7	Bán buôn đồ uống	4633
8	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
9	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	
	<i>Chi tiết:</i>	4641
	- Bán buôn hàng may mặc	
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	<i>Chi tiết:</i>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc thiết bị y tế 	
11	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <u>Chi tiết:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế 	4649
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
	<u>Chi tiết:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn sắt thép - Bán buôn kim loại khác 	
13	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
14	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
15	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
16	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
17	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
18	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh <u>Chi tiết:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh 	4771
19	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh <u>Chi tiết:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh 	4772
20	Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh <u>Chi tiết:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh 	4773
21	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

3.2. Các ngành nghề ngoài lĩnh vực kinh doanh chính:

TT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất mô tơ; máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện <i>Chi tiết:</i> - Sản xuất mô tơ, máy phát	2710
2	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và các van khác	2813
3	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
4	Bảo hiểm nhân thọ	6511
5	Bảo hiểm phi nhân thọ	6522
6	Tái bảo hiểm	6520
7	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán	6612
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

(Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội)

4. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại; ngành nghề kinh doanh chủ yếu là lương thực, thực phẩm đóng túi, kinh doanh mặt hàng gạo các loại.

5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội trước khi cổ phần hóa: (Tại thời điểm 30/06/2015)

Tổng số lao động : 11 người

- Ban điều hành

+ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty (không có PGĐ) : 01 người

- Các phòng ban chức năng

+ Phòng Tổ chức tổng hợp : 03 người

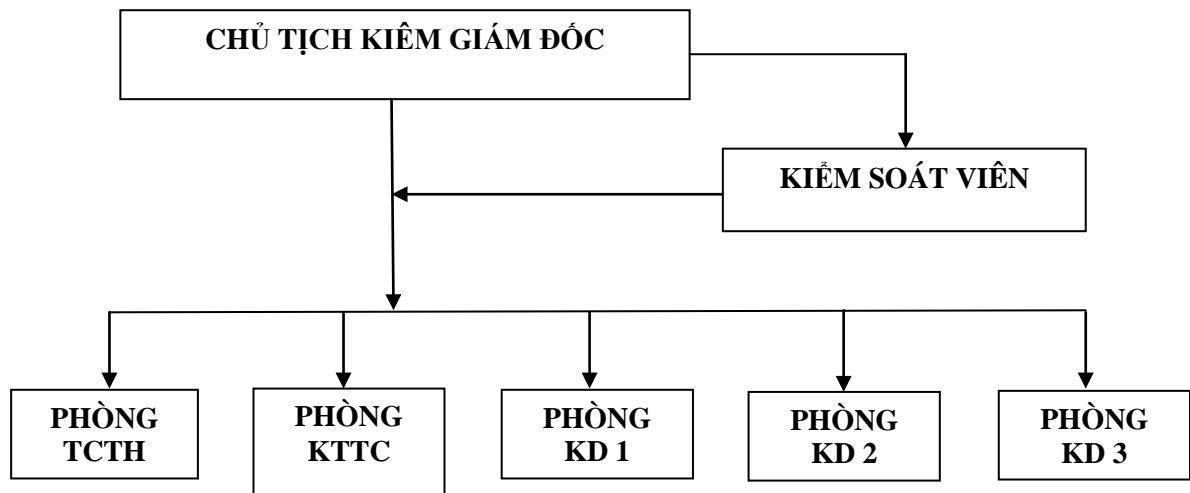
+ Phòng Kế toán tài chính : 03 người

+ Phòng Kinh doanh 1 (chưa có QĐ giải thể phòng) : 0 người

+ Phòng Kinh doanh 2 : 02 người

+ Phòng Kinh doanh 3 : 02 người

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MAI VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI



5.1. Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty

Chủ tịch Công ty do Đại diện Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Đại diện Chủ sở hữu Công ty theo phân cấp được quy định tại Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại diện Chủ sở hữu Công ty và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ, trách nhiệm về sự phát triển của Công ty theo Chỉ tiêu kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ do Đại diện Chủ sở hữu Công ty giao.

Chủ tịch Công ty có quyền nhân danh Đại diện Chủ sở hữu Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại diện Chủ sở hữu Công ty quy định tại Điều lệ Cty.

Giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Công ty phù hợp với Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại diện Chủ sở hữu, Chủ tịch Công ty và pháp luật về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

5.2. Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại diện Chủ sở hữu Công ty về thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Kiểm tra tính hợp pháp trung thực, cần trọng của Chủ tịch và Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền Đại diện Chủ sở hữu của Công ty trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Đại diện Chủ sở hữu của Công ty hoặc cơ quan

Nhà nước có liên quan; trình Đại diện Chủ sở hữu của Công ty báo cáo thẩm định.

Kiến nghị Đại diện Chủ sở hữu của Công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, quyết định của Đại diện Chủ sở hữu của Công ty.

5.3. Phòng Tổ chức Tổng hợp

Tham mưu giúp Ban Giám đốc sắp xếp tổ chức bộ máy Công ty theo yêu cầu của Công ty phù hợp từng giai đoạn. Thực hiện các công tác quản lý lao động, tiền lương và các chế độ với người lao động, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo.

Quản lý tài sản công cụ, dụng cụ của Công ty đồng thời tham mưu, thực hiện các công tác về hành chính trong Công ty.

5.4. Phòng Kế toán Tài chính

Là phòng tham mưu về nghiệp vụ tài chính kế toán - thống kê, quản lý tiền vốn của toàn Công ty có các chức năng chính sau:

Thực hiện chế độ hạch toán kế toán, báo cáo quyết toán thống kê theo quy định của Nhà nước;

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và nguồn vốn hiện có, chủ động đề xuất nguồn vốn vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ kinh doanh kịp thời và thực hiện định mức tồn quỹ theo quy định; tham mưu đề xuất xử lý hàng hoá tồn đọng, trách nhiệm bồi thường vật chất đối với các tập thể, cá nhân gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty;

Hướng dẫn nghiệp vụ kế toán - thống kê cho các phòng nghiệp vụ lập chứng từ ban đầu đúng nguyên tắc chế độ, đảm bảo các yêu cầu về quản lý tài chính hiện hành;

5.5. Các phòng Kinh doanh:

Tham mưu và giúp Ban Giám đốc Công ty trong công tác xây dựng và quản lý kế hoạch sản xuất - kinh doanh các sản phẩm của công ty, Thực hiện nhiệm vụ SXKD lập kế hoạch phát triển sản xuất - kinh doanh, phát triển thị trường mở rộng mạng lưới theo ngành nghề kinh doanh được phân công.

Phòng kinh doanh 1 đã có quyết định giải thể nhưng chưa giải thể được, hiện nay không còn hoạt động.

6. Phương án sử dụng lao động sau khi cổ phần hóa

Số lao động hiện đang làm việc tại Công ty ít, tuổi đời bình quân tương đối cao, Công ty đã và đang cố gắng bố trí sắp xếp, xây dựng đội ngũ lao động sau cổ phần theo hướng phù hợp chuyên môn, có tính chuyên nghiệp, chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu sự phát triển của Công ty cổ phần nhằm nâng cao hiệu quả công tác, giảm chi phí hoạt động.

- Tổng số lao động có tên trong danh sách của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh

nghiệp (31/12/2014): **11** người

- Số lao động dôi dư dự kiến sẽ nghỉ việc khi có quyết định chuyển thành Công ty cổ phần do không bố trí được việc làm: 02 người

- Số lao động có nhu cầu sử dụng sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần: **09** người.

Trong đó: + Số lao động có trình độ Đại học và trên Đại học là : 08 người

+ Số lao động có trình độ Cao đẳng, Trung cấp : 0 người

+ Số lao động đã được đào tạo qua các trường
công nhân kỹ thuật, dạy nghề : 0 người

+ Số lao động chưa qua đào tạo : 01 người

Căn cứ vào điều kiện của Công ty, Tổ chức bộ máy, kết cấu lao động, Công ty dự kiến xây dựng phương án lao động của công ty cổ phần như sau:

- Số lao động dự kiến tuyển dụng thêm làm việc tại Công ty CP : 09 người

Như vậy, sau cổ phần hóa Công ty dự kiến có tổng số là **18** người, cụ thể:

- **Hội đồng quản trị** : **03** người

- Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) : Từ 01 đến 3 người

- Ban Giám đốc (kiêm nhiệm) : 02 người

Trong đó

+ Giám đốc : 01

+ Phó Giám đốc : 01

- **Các phòng ban chức năng** : **15** người

Trong đó :

+ Phòng Tổ chức tổng hợp : 03

+ Phòng Kế toán : 02

+ Các phòng Kinh doanh : 10

Tổng cộng : **18** người

7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 16/06/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01/01/2015

của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội như sau:

- Giá trị doanh nghiệp theo sổ sách kế toán : **16.750.368.573 đồng**
- Giá trị doanh nghiệp theo xác định lại : **19.003.997.032 đồng**
- Giá trị vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán : **(1.900.325.381) đồng**
- Giá trị vốn Nhà nước theo xác định lại : **474.553.161 đồng**

Bảng số 02: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính: đồng)

TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU THEO BÁO CÁO ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
	(1)	(2)	(3)	(4)= (3) - (2)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I + II + III + IV)	16.750.368.573	19.003.997.032	2.253.628.459
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	121.145.466	2.344.454.473	2.223.309.007
1	Tài sản cố định	94.476.774	2.260.329.145	2.165.852.371
1.1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	94.476.774	2.260.329.145	2.165.852.371
1.2	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	-	-	-
2	Các khoản đầu tư dài hạn	-	-	-
3	Chi phí XDCB dở dang	-	-	-
4	Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-
5	Chi phí trả trước dài hạn	26.668.692	84.125.328	57.456.636
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	16.629.223.107	16.659.542.559	30.319.452
1	Tiền	821.592.422	821.592.422	-
	+ <i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	668.663.026	668.663.026	-

TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU THEO BÁO CÁO ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
	+ Tiền gửi ngân hàng	152.929.396	152.929.396	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	
3	Các khoản phải thu và tạm ứng	15.734.667.088	15.734.667.088	-
3.1	Phải thu dài hạn khác	5.325.322.321	5.325.322.321	-
3.2	Phải thu khách hàng	10.123.191.176	10.123.191.176	-
3.3	Trả trước cho người bán	274.221.441	274.221.441	-
3.4	Các khoản phải thu khác	11.932.150	11.932.150	-
4	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(336.770.228)	(306.450.776)	30.319.452
5	Vật tư hàng hóa tồn kho	71.336.375	71.336.375	-
6	Tài sản lưu động khác	338.397.450	338.397.450	-
7	Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG	-	-	-
C	Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D	Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	16.750.368.573	19.003.997.032	2.253.628.459

TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU THEO BÁO CÁO ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
	Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	16.750.368.573	19.003.997.032	2.253.628.459
E1	Nợ thực tế phải trả	18.650.693.954	18.529.443.871	(121.250.083)
1	Vay và nợ ngắn hạn	10.651.989.621	10.651.989.621	-
2	Phải trả cho người bán	2.246.088.376	2.162.091.109	(83.997.267)
3	Người mua trả tiền trước	75.559.576	75.559.576	-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.083.883.588	4.083.883.588	-
5	Phải trả cho người lao động	33.716.687	33.716.687	-
6	Chi phí phải trả	356.628.512	356.628.512	-
7	Các khoản phải trả ngắn hạn	1.112.507.584	1.075.254.768	(37.252.816)
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-
9	Phải trả dài hạn khác	90.320.010	90.320.010	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp			
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	(1.900.325.381)	474.553.161	2.374.878.542

(Nguồn: Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội ngày 24/04/2015)

7.2. Xử lý tài chính:

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 16/06/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành

viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội, theo đó những công việc cần tiếp tục xử lý khi chuyển sang Công ty cổ phần, cụ thể như sau:

Giám trừ vào phần vốn Nhà nước số tiền là 7.733.340.101 đồng, bao gồm:

- Lỗ lũy kế tại thời điểm ngày 31/12/2014 số tiền là 7.255.571.356 đồng.
- Tiền phạt chậm nộp thuế tính đến 31/12/2014 là 477.768.745 đồng.

Dùng quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi để xử lý số công nợ không có khả năng thu hồi là 306.450.776 đồng, bao gồm:

- Liên hiệp các xí nghiệp lâm nông chi nhánh Vĩnh Phú là 74.875.000 đồng.
- Xí nghiệp sản xuất hàng XNK, du lịch Sầm Sơn là 121.284.900 đồng.
- Trạm dịch vụ kinh doanh tổng hợp Tân Yên, tỉnh Hà Bắc là 25.963.962 đồng.
- Tổ sản xuất hàng mây tre xuất khẩu Hiệp Thuận - Phúc Thọ (tỉnh Hà Tây cũ) là 36.625.914 đồng.
- Tổ Mây tre Tân Định, Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là 5.500.000 đồng.
- Tổ Màn vẽ mây tre Tất Thắng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là 8.000.000 đồng.
- Công ty TNHH Chế biến nông sản Mường Thanh, tỉnh Điện Biên là 34.201.000 đồng.

Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội có trách nhiệm xử lý 07 khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi bằng Quỹ dự phòng phải thu khó đòi và bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan về Tổng công ty Thương mại Hà Nội theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ.

Tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 151.569.535 đồng, bao gồm:

- Hoàn nhập Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi là 30.319.452 đồng.
- Công nợ phải trả (không phải trả) là 121.250.083 đồng..

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1. Tình hình sử dụng đất:

Căn cứ công văn số 5067/STNMT-DKTK ngày 11 tháng 09 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phương án sử dụng đất trước khi xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội.

Theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 16/06/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quyết định về tình hình sử dụng đất cụ thể như sau:

TT	Địa chỉ	Diện tích	Hình thức pháp lý	Phương án sử dụng sau cổ phần hóa
02	93 phố Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội:	558,6 m²	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ quyết định số 769/QĐ/UB ngày 06/05/1994 của UBND thành phố Hà Nội, căn cứ hợp đồng thuê đất số 336-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 17/10/1998 thì hình thức sử dụng là thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đất là 20 năm. Tiền thuê đất là 14.140 đồng/m²/năm, được tính từ ngày 01/01/1996 - Theo quyết định số 3613/QĐ-UBND ngày 05/08/2011 diện tích nhà Công ty đang sử dụng gắn liền với đất là 680m² 	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi chuyển sang công ty Cổ phần công ty vẫn giữ nguyên hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. - Căn cứ điều 31 nghị định số 59/2011/ND-CP thì giá trị quyền sử dụng đất không được tính vào giá trị doanh nghiệp.
02	Số 93 phố Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. (Theo hợp đồng thuê đất số 366-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 17/10/1998 là đại chỉ số 42 Cầu Giấy)	122,3m²	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thuê đất số 336-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 17/10/1998: Thời gian thuê 20 năm kể từ ngày 01/01/1996 đến 01/01/2016 - Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 11/08/1993 của UBND thành phố Hà Nội về việc liên doanh với công ty Xây dựng và Phát triển đô thị (CDC) xây dựng nhà ở để bán - UBND thành phố phê duyệt phương án hợp tác liên doanh liên kết với CDC 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ công văn số 5067/STNMT-ĐKTK ngày 11 tháng 09 năm 2014 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường về phương án sử dụng đất trước khi xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội; - Căn cứ công văn số 8032/UBND-KT ngày 16 tháng 10 năm 2014 về việc hợp tác liên doanh để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đối với thửa đất có diện tích thửa 122,3m² đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt; - Căn cứ biên bản thoả thuận số 58/TIC-CDC-6-2016 ngày 07/06/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội (TIC) và Công ty TNHH Xây dựng và phát triển đô thị (CDC);

				<p>Sau khi cổ phần hóa, công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội sẽ không quản lý thửa đất này nữa, mà CDC sẽ được trực tiếp ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước để toàn quyền quản lý khai thác và sử dụng. Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội đã ghi nhận 6 tỷ đồng của dự án hợp tác liên doanh với công ty TNHH Xây dựng và phát triển đô thị trên báo cáo tài chính. Đến 31/12/2014 Công ty TNHH Xây dựng và phát triển đô thị đã chuyển 2,1 tỷ đồng cho công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội theo tiến độ của Biên bản thoả thuận 58/TIC-CDC-6-2014 ngày 07/6/2014 và Phụ lục Hợp đồng số 04/2014/74/MK-TIC-CDC ngày 16/11/2014 giữa hai bên, để công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội nộp tiền thuê đất vào Ngân sách.</p> <p>⇒ Vì vậy, giá trị quyền sử dụng đất không được tính vào giá trị doanh nghiệp</p>
--	--	--	--	--

** Thửa đất 122,3m² là diện tích còn lại của Liên doanh liên kết từ nhiều năm trước để lại, dẫn đến tranh chấp kéo dài giữa TIC và CDC, thực chất CDC đã sử dụng từ cuối năm 2010, dẫn đến khiếu kiện kéo dài, nên Thanh tra Thành phố đã tiến hành thanh tra, đã có văn bản báo cáo UBND thành phố và đề nghị UBND thành phố cho phép hai Công ty tiếp tục thực hiện hợp tác liên doanh. Hai bên đã có Biên bản thỏa thuận số 58/TIC-CDC-6-2014 ngày 07/6/2014 và Phụ lục Hợp đồng số 04/2014/74/MK-TIC-CDC ngày 16/11/2014. Sau khi TIC đã nhận 06 tỷ đồng thì TIC không còn liên quan gì đến liên doanh thửa đất 122,3m², TIC sẽ không quản lý thửa đất này, mà Công ty CDC sẽ được quyền tiếp ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước để toàn quyền tự bỏ chi phí đầu tư và quản lý khai thác sử dụng.*

Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa và thực hiện mọi nghĩa vụ về quản lý, sử dụng đất theo quy định của Pháp luật. Việc chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê, thay đổi mục đích sử

dụng đối với thửa đất này phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBND thành phố Hà Nội. Công ty cổ phần có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích ghi trong hợp đồng; nếu sử dụng đất sai mục đích, không hiệu quả, UBND thành phố Hà Nội sẽ thu hồi theo quy định của Luật đất đai.

8.2. Tình hình tài sản doanh nghiệp đang sử dụng

Bảng số 3: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2014

(Đơn vị: đồng)

TT	Loại tài sản	Số liệu sổ sách kế toán		Số liệu xác định lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	615.994.237	94.476.774	4.289.672.644	2.260.329.145
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	109.933.246	15.094.658	3.701.526.280	1.976.615.034
2	Máy móc, thiết bị	-	-	-	-
3	Phương tiện vận tải	506.060.991	79.382.116	588.146.364	283.714.111
4	TSCĐ hữu hình khác	-	-	-	-
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
III	Chi phí XDCB dở dang	-	-	-	-
	Tổng cộng	615.994.237	94.476.774	4.289.672.644	2.260.329.145

(Nguồn: Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa CT TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội do CT TNHH Định giá Cimeico lập)

Hầu hết cơ sở vật chất của Công ty bao gồm phần nhà cửa và vật kiến trúc đều có thời gian sử dụng bình quân trên 10 năm, 2 phương tiện vận tải là ô tô con Isuzu Hi-Lander V-Spec được đưa vào sử dụng từ năm 2005 và xe tải thùng kín Kia K2700 được đưa vào sử dụng từ năm 2011. Trong đó: Xe ô tô 7 chỗ ISUZU sử dụng từ năm 2005 đến nay, hiện có tên chủ sở hữu trên đăng ký xe là Tổng Công ty Thương mại Hà Nội được chuyển giao cho đơn vị quản lý là Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội. Hiện nay ô tô vẫn được Công ty tiếp tục sử dụng nhưng chưa làm thủ tục chuyển đổi đăng ký để sang tên Công ty. Vì vậy, chủ sở hữu trên giấy tờ vẫn là Tổng Công ty Thương mại Hà Nội (Đại diện chủ sở hữu).

Với nguồn lực tài chính còn hạn chế nên cơ sở vật chất của Công ty đang còn thiếu thốn. Từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến nay, Công ty không có sự biến động về TSCĐ.

9. Danh sách công ty mẹ và công ty con:

Không có

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Bảng 04: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của doanh nghiệp 3 năm trước cổ phần hóa

Khoản mục	2012		2013		2014	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Doanh thu thuần	5.203.676.062	100%	2.558.327.121	100%	3.968.083.156	100%
Giá vốn hàng bán	4.955.275.612	95,23%	1.925.801.796	75,28%	3.334.450.145	84,03%
Lợi nhuận gộp	248.400.450	4,77%	632.525.325	24,72%	633.633.011	15,97%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013 và báo cáo tài chính tự lập năm 2014 của Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội)

Nhìn chung, trong 3 năm 2012, 2013, 2014 là những thời điểm rất khó khăn không chỉ cho Công ty mà toàn bộ nền kinh tế trong nước. Việc trụ vững trên thị trường và duy trì ổn định kinh doanh, ổn định việc làm, thu nhập và đời sống người lao động là mục tiêu cao nhất của hầu hết các doanh nghiệp.

Doanh thu các năm thường xuyên có những biến động. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hiệu quả thấp, thua lỗ kéo dài, công nợ tồn tại từ các năm trước để lại dẫn đến tình trạng kinh doanh ngày càng khó khăn.

Do tình hình sản xuất kinh doanh của công ty gặp khó khăn nên dẫn đến thu nhập của cán bộ công nhân viên thấp, không khuyến khích được người lao động nên số lượng cán bộ công nhân viên thường xuyên biến động.

Mặt hàng truyền thống của công ty là mặt hàng gạo nhưng do cạnh tranh khó khăn, mất thị trường nên chưa khôi phục lại được. Ngoài ra, công ty còn kinh doanh những mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm khác được mua ở thị trường trong nước như đường, dầu ăn, dưa chuột bao tử, dưa tre dùng một lần... Về Sản lượng, doanh thu của một số mặt hàng như sau:

Bảng 05: Sản lượng tiêu thụ và tỷ trọng doanh thu của một số mặt hàng công ty kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa

SẢN PHẨM	NĂM 2012		NĂM 2013		NĂM 2014	
	Sản lượng	Tỷ trọng trong Tổng DT	Sản lượng	Tỷ trọng (%) trong Tổng DT	Sản lượng	Tỷ trọng (%) trong tổng DT
Gạo (kg)	81.016	28 %	35.743	26%	24.207	12%
Đường (kg)	14.540	6%	19.430	17%	123.180	50%
Dầu (kg)					5.760	23%
Các mặt hàng khác	190.966	66%	78.359	57%	30.258	15%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội)

10.2. Nguồn nguyên vật liệu

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Thương mại dịch vụ; mặt hàng kinh doanh truyền thống là lương thực thực phẩm, bán buôn bán lẻ gạo các loại, vì vậy nguyên vật liệu chủ yếu của công ty là mua trong nước, chủ yếu từ các nhà cung cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số tỉnh lân cận như Nam Định, Thái Bình, Điện Biên... nên không ổn định về số lượng. Về bao bì, tem nhãn chủ yếu là đặt mua tại thị trường Hà Nội. Ngoài ra, công ty còn kinh doanh những mặt hàng tiêu dùng như: đường, dầu ăn, dưa chuột bao tử, dưa tre dùng một lần...

Về mặt hàng gạo: Là hàng nông sản, giá cả lên xuống theo từng thời điểm do vậy Công ty luôn có một lượng hàng dự trữ tồn kho để đảm bảo cung cấp kịp thời đến khách hàng và không bị ảnh hưởng nhiều bởi biến động giá. Tuy nhiên việc bảo quản cũng là một vấn đề phải lưu ý do đây là mặt hàng có thời hạn sử dụng nhất định và kho bãi phải đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, nên Công ty luôn cân đối lượng hàng dự trữ hợp lý.

10.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng số 06: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

TT	DIỄN GIẢI	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	4.955,28	95,23	1.925,80	75,28	3.334,45	84,03
2	Chi phí bán hàng	176,11	3,39	189,18	7,39	180,39	4,55
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.257,87	24,17	900,57	35,20	2.005,33	50,54
4	Chi phí tài chính	1.364,84	26,22	1.128,38	44,11	937,93	23,64
	Tổng cộng	7.754,10	149,01	4.143,93	161,98	6.458,10	162,76

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013 và báo cáo tài chính tự lập năm 2014 của Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội)

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong giai đoạn 2012-2014 có nhiều biến động tăng giảm cùng với sự biến động của doanh thu. Tuy nhiên tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần năm 2013, 2014 lại tăng đáng kể so với năm 2012 và chỉ số này trong cả 3 năm đều lớn hơn doanh thu thuần. Chỉ tiêu giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng so với doanh thu thuần khá cao, năm 2012 tỷ số này đạt hơn 95%, các năm 2013, 2014 cũng chiếm tỷ lệ rất cao, giao động trong khoảng 75% - 84%, nguyên nhân là giá bán các mặt hàng thực phẩm Công ty giữ ổn định trong các năm (do mặt hàng gạo có thời điểm là mặt hàng bình ổn giá), trong khi đó giá nguyên vật liệu nhập vào hàng năm có sự biến động theo giá thị trường, làm tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu giữa các năm có sự biến động đáng kể. Các chi phí khác cũng chiếm tỷ trọng khá lớn.

Chi phí tài chính có xu hướng giảm dần qua các năm do lãi suất vay ngân hàng có xu hướng giảm dần, cụ thể: Trong năm 2012, lãi suất ngân hàng cao, từ 18-22%/năm khiến cho chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trên tổng chi phí. Đến năm 2013, lãi suất ngân hàng có giảm đi nhưng vẫn khá cao, trung bình lãi suất từ 14-15%/năm, đến cuối năm 2013, lãi suất ngân hàng vẫn còn 10%/năm. Do vậy, chi phí tài chính năm 2013 có giảm đi nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, đến năm 2014, lãi suất ngân hàng chỉ còn 7-10%/năm, giúp cho chi phí tài chính của Công ty giảm đáng kể.

Chi phí quản lý năm 2014 tăng cao do trong năm công ty kết chuyển số tiền 953 triệu đồng từ tài khoản đầu tư xây dựng cơ bản dở dang sang tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp. Đây

là khoản chi phí xây dựng dở dang của dự án liên kết với CDC. Bên cạnh đó hàng năm công ty còn phải chịu một khoản tiền thuê đất khá cao (gần 300 triệu đồng).

Chi phí sản xuất của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành, cùng địa bàn là khá cao, cho thấy tình hình quản trị và sản xuất kinh doanh của công ty không đạt hiệu quả, dẫn đến tình trạng lỗ kéo dài trong nhiều năm qua, vì vậy sẽ ảnh hưởng không ít đến khả năng cạnh tranh của Công ty.

10.4. Trình độ công nghệ.

Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội không hoạt động trong lĩnh vực sản xuất mà chỉ hoạt động trong lĩnh vực lưu thông, phân phối nên không có máy móc, dây chuyền sản xuất, chỉ có các phương tiện vận tải phục vụ vận chuyển cung ứng hàng hóa...

Bảng số 07: Phương tiện vận tải tại thời điểm 31/12/2014 của công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội

STT	Phương tiện vận tải	Số lượng (Chiếc)	Mô tả
1	Xe ô tô 7 chỗ ISUZU	01	Nhãn hiệu: ISUZU; Biển Kiểm soát: 29V-9739; Loại xe: Hi-Lander V-Spec TBR54F; Số máy : 5889; Số khung: 984020; Đăng ký xe số: 003B246 (mang tên TCT TM HN) Năm sản xuất: 2005; Số chỗ ngồi: 08; Nước SX: Việt Nam; Năm đưa vào sử dụng: 2005; Màu sơn: Đen.
2	Xe ô tô tải thùng kín KIA K2700	01	Nhãn hiệu: KIA; Loại xe: Tải thùng kín; Số khung: RNYKCA252AC071045; Số máy: J2-562350; Đăng ký xe số: 025571; Năm sản xuất: 2010; Số chỗ ngồi: 03 chỗ; Biển Kiểm soát: 29C-006.54; Nước SX: Việt Nam; Năm sử dụng: 2011; Tải trọng: 980 kg.

10.5. Tình hình công nợ của Công ty:

10.5.1. Các khoản nợ phải thu:

Tổng các khoản nợ phải thu là **15.428.216.312** đồng, bao gồm:

a, Nợ phải thu phát sinh trước thời điểm 2006 theo quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số tiền là **6.034.631.747 đồng** (Sau khi đã trừ đi các khoản phải thu tại các công ty đã giải thể), đây là các khoản công nợ đã được các Sở, ngành và Hội đồng giải thể doanh nghiệp Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội xác nhận chưa có khả năng thu hồi nhưng không đủ điều kiện xử lý.

Trong đó:

- Nợ phải thực tế phát sinh tới thời điểm năm 2006 theo đánh giá lại là: **6.306.881.523 đồng**
- Trừ đi: Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi là 272.249.776 đồng. Số tiền này sẽ được bù đắp bằng quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi, bao gồm các khoản:
 - + Liên hiệp các xí nghiệp lâm nông chi nhánh Vĩnh Phúc là 74.875.000 đồng
 - + Xí nghiệp sản xuất hàng XNK, du lịch Sần Sơn là 121.284.900 đồng
 - + Trạm dịch vụ kinh doanh tổng hợp Tân yên, tỉnh Hà Bắc là 25.963.962 đồng
 - + Tổ sản xuất hàng Mây tre xuất khẩu Hiệp Thuận - Phúc Thọ (tỉnh Hà Tây cũ) là 36.625.914 đồng
 - + Tổ Mây tre Tân Định, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội là 5.500.000 đồng
 - + Tổ Mành vẽ may tre Tất Thắng, quận Ba Đình, TP Hà Nội là 8.000.000 đồng

b, Nợ phải thu phát sinh sau thời điểm 2006 là **9.393.584.565 đồng**, trong đó:

- Nợ phải thu phát sinh sau thời điểm năm 2006 theo báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là: 9.427.785.565 đồng bao gồm::
 - + Phải thu khách hàng: 9.141.631.974 đồng
 - + Trả trước cho người bán : 274.221.441 đồng
 - + Các khoản phải thu khác: 11.932.150 đồng

(Trong đó có 4.870.247.289 đồng là các khoản nợ phải thu chưa thu hồi được do các đối tượng nợ đã bị bắt đi tù và đối đương đã khởi kiện đưa ra tòa xét xử đến nay chưa thu hồi được)

+ Trừ đi: khoản phải thu tại Công ty TNHH Chế biến Nông sản Mường Thanh, tỉnh Điện Biên là 34.201.000 đồng. Vì theo quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 16/06/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội, khoản phải thu tại Công ty TNHH Chế biến

Nông sản Mường Thanh, tỉnh Điện Biên đã xử lý tài chính bằng việc dùng Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi để xử lý công nợ không có khả năng thu hồi.

10.5.2. Các khoản phải trả

- Các khoản nợ phải trả theo quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa là **18.529.443.871** đồng, cụ thể:

- + Theo báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, số công nợ phải trả theo số liệu sổ sách tại thời điểm 31/12/2014 của công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội là 18.650.693.954 đồng.
- + Trừ đi: khoản công nợ phải trả 121.250.083 đồng công ty không phải trả được ghi tăng giá trị phần vốn góp tại doanh nghiệp theo quyết định số 2732/QĐ-UBND, ngày 16/06/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

10.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Không có

10.7. Hoạt động Marketing

Nền kinh tế ngày càng phát triển, quá trình hội nhập diễn ra càng nhanh sẽ mang đến cho các doanh nghiệp trong nước nhiều cơ hội nhưng cũng không ít những thách thức. Một trong những thách thức đó chính là cạnh tranh. Để nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, ngoài việc nâng cao năng lực sản xuất, trình độ công nghệ thì các Công ty cần phải chú trọng tới việc tìm kiếm thị trường, khai thác, quảng bá sản phẩm tới các khách hàng tiềm năng.

Tuy nhiên hoạt động quảng bá thương hiệu chưa được công ty chú trọng, chưa đưa được những sản phẩm của mình tới tay người tiêu dùng dẫn đến tình trạng cạnh tranh kém so với những công ty cùng ngành.

10.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.

Không có

10.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Thương mại dịch vụ; mặt hàng kinh doanh chủ yếu là lương thực thực phẩm, bán buôn bán lẻ gạo các loại. Ngoài ra, công ty còn kinh doanh những mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm khác được nhập tại thị trường trong nước như đường, dầu ăn, dưa chuột bao tử, dưa tre dùng một lần... Thị trường của Công ty phân phối trong nội địa, không xuất khẩu ra nước ngoài. Do tình hình hoạt động của công ty các năm gần đây không thực sự tốt nên hiện công ty không có hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc ký kết.

10.10. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội không phải là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, hiện công ty hoạt động chuyên về lĩnh vực kinh doanh, đóng gói và phân phối các sản phẩm mang thương hiệu Hapro. Hơn nữa do doanh thu thấp, mang tính thời vụ nên hiệu quả không cao, chi phí cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ khá tốn kém. Vì vậy, Công ty không có hệ thống kiểm tra và quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ, mà việc kiểm tra chất lượng chủ yếu bằng kinh nghiệm thực tế và bằng phương pháp cảm quan.

10.11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

10.11.1. Tình hình Tài chính của Công ty trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng số 08: Tóm tắt Báo cáo tài chính 2012, 2013, 2014

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
	Tổng tài sản	14.420.751.416	13.802.232.511	16.750.368.573
I	Tài sản ngắn hạn	7.382.554.655	7.600.094.102	11.640.671.014
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	147.917.854	267.901.638	821.592.422
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	6.184.199.204	6.621.213.933	10.409.344.767
3	Hàng tồn kho	725.889.697	365.814.083	71.336.375
5	Tài sản ngắn hạn khác	324.547.900	345.164.448	338.397.450
II	Tài sản dài hạn	7.038.196.761	6.202.138.409	5.109.697.559
1	Các khoản phải thu dài hạn	6.113.996.521	5.026.002.093	4.988.552.093
2	Tài sản cố định	853.427.288	1.120.562.786	119.353.774
3	Bất động sản đầu tư	-	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
5	Tài sản dài hạn khác	70.772.952	55.573.530	1.791.692
	Tổng nguồn vốn	14.420.751.416	13.802.232.511	16.750.368.573
III	Nợ phải trả	15.896.455.437	16.871.138.275	18.650.693.954
1	Nợ ngắn hạn	15.798.715.427	16.780.818.265	18.560.373.944
2	Nợ dài hạn	97.740.010	90.320.010	90.320.010
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	(1.475.704.021)	(3.068.905.764)	(1.900.325.381)
1	Vốn chủ sở hữu	(1.475.704.021)	(3.068.905.764)	(1.900.325.381)
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, và báo cáo tài chính tự lập năm 2014 của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội)

10.11.2. Kết quả kinh doanh của Công ty trong 03 năm gần đây

Bảng số 09: Một số chỉ tiêu tài chính 2012 – 2014

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr đồng	5.292	2.558	3.968
	Tốc độ tăng trưởng	%	-79,6	-51,66	55,12
	Các khoản giảm trừ		88	-	-
1	Doanh thu bán hàng hóa	Tr đồng	4.973	2.193	3.581
	Tỷ trọng/Tổng DT	%	93,97	85,73	90,25
2	Doanh thu dịch vụ	Tr đồng	319	365	387
	Tỷ trọng/Tổng DT		6,03	14,27	9,75
II	Doanh thu HĐTC	Tr đồng	193	1,39	5.455
III	Thu nhập khác	Tr đồng	791	-	0,006
IV	Tổng doanh thu	Tr đồng	6.276	2.559	9.423
V	Tổng chi phí	Tr đồng	8.457	4.152	7.268

VI	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	(2.269)	(1.593)	2.155
VII	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	(2.269)	(1.593)	1.168
VIII	Lao động bình quân	Người	16	13	11
IX	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/ Tháng	3.600	3.400	3.060
X	Nợ phải thu	Tr đồng	12.298,19	11.647,22	15.734,67
XI	Nợ phải trả	Tr đồng	15.896,45	16.871,14	18.057,32
XII	Vay và nợ ngắn hạn	Tr đồng	8.706,05	9.325,82	10.651,99
	<i>Nợ quá hạn</i>	<i>Tr đồng</i>	-	-	-
XIII	Vay và nợ dài hạn	Tr đồng	7,42	0	0
	<i>Nợ quá hạn</i>	<i>Tr đồng</i>	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, và báo cáo tài chính tự lập năm 2014 của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội)

10.11.3. Chỉ tiêu tài chính của Công ty trong 03 năm gần đây.

Bảng số 10: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2012, năm 2013 và năm 2014

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,46	0,45	0,63
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,42	0,43	0,62
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	110,23	122,23	111,34
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	(1077,21)	(549,74)	(981,44)
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
<u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	2,42	3,53	15,29
Hàng tồn kho bình quân				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	%	30,54	18,13	25,98
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(43,60)	(62,28)	29,45
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (*)	%	N/A	N/A	N/A
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	(13,32)	(11,29)	7,65
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(45,28)	(61,92)	74,73

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, và báo cáo tài chính tự lập năm 2014 của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội)

(*) Không tính: Do khoản mục Vốn chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2012, 2013, 2014 bị âm

Nhận xét:

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Công ty luôn nhỏ hơn 1 điều đó thể hiện khả năng trả nợ cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty không được tốt. Nợ ngắn hạn lớn dẫn đến nhiều rủi ro về mặt thanh toán;

Hệ số nợ trên tổng tài sản trong các năm 2012, 2013, 2014 của Công ty tương đối cao, đều trên 100%. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đều trong 3 năm đều âm, điều đó cho thấy được công ty đang hoạt động không hiệu quả. Vốn chủ sở hữu âm, công ty hoạt động hoàn toàn dựa trên nợ đi vay dẫn đến rủi ro về mặt thanh toán là rất cao;

Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của Công ty các năm 2012, 2013 đều âm, nguyên nhân là do khó khăn chung của nền kinh tế làm giảm doanh thu, trong khi đó giá vốn tăng cao so với doanh thu thuần, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều tăng lên qua các năm. Riêng năm 2014, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 1,1 tỷ do công ty đã ghi nhận 6 tỷ đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) của dự án hợp tác với công ty TNHH Xây dựng và phát triển đô thị vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. Đến

31/12/2014 Công ty TNHH Xây dựng và phát triển đô thị đã chuyển 2,1 tỷ đồng cho công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội theo tiến độ của Biên bản thoả thuận 58/TIC-CDC-6-2016 ngày 07/6/2014 và Phụ lục Hợp đồng số 04/2014/74/MK-TIC-CDC ngày 16/11/2014 giữa hai bên, để công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội nộp tiền thuê đất.

10.12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

• Thuận lợi

- Trong nhiều năm, Công ty đã có hệ thống khách hàng thân thiết và nguồn hàng đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh thương mại; phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Những năm gần đây số lượng cán bộ nhân viên Công ty còn ít, nhưng một số CBCNV đã gắn bó với Công ty một số năm nên có chút kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ kinh doanh thương mại, đã rất cố gắng để duy trì hoạt động của Công ty.

• Khó khăn

- Do công nợ tồn tại từ nhiều năm trước để lại, số tiền vay của các cá nhân không trả được gốc và lãi, nên hàng tháng tiền lãi phát sinh lại nhập vào nợ gốc, nên số nợ ngày càng tăng cao. Không có vốn để sản xuất kinh doanh, phần khách hàng nợ công ty thì việc đòi nợ gặp rất nhiều khó khăn, nhiều khoản không đòi được. Trong khi đó, các chủ nợ thường xuyên đến đòi nợ, gây áp lực và phức tạp cho Công ty. Sản xuất kinh doanh không vượt lên được, dẫn đến doanh thu đạt thấp và vẫn bị lỗ lũy kế tiếp tục tăng lên;
- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, thu nhập của cán bộ công nhân viên thấp, không khuyến khích được người lao động, nên số lượng CBCNV thường xuyên biến động. Mặt hàng chủ lực là gạo nhưng do để giãn đoạn thời gian dài, mặt thị trường nên chưa khôi phục lại được.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

• Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty hiện hoạt động sản xuất kinh doanh với quy mô nhỏ, thị trường chính của công ty là phân phối nội địa, trong hệ thống của Hapro.

• Triển vọng phát triển của ngành:

Trong những năm tới, mặt hàng chủ yếu của công ty hướng đến vẫn là phát triển ngành gạo đóng túi. Đây là mặt hàng kinh doanh có nhiều cơ hội để phát triển do ngành sản xuất gạo của nước ta chiếm tỷ trọng lớn so với lượng gạo trên thế giới, nhiều loại gạo trong nước sản xuất có giá trị về mặt dinh dưỡng cao mà giá thành lại thấp. Vì vậy, việc tiến hành mở rộng thị trường, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại vào dây chuyền sản xuất để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, Công ty sẽ có những cơ hội lớn để phát triển so với các công

ty cùng ngành.

- **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước**

Việc xác định gạo là mặt hàng chủ lực của Công ty để thúc đẩy kinh doanh, nâng cao doanh số bán hàng, vào hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, các bếp ăn và mạng lưới khách hàng truyền thống hoàn toàn phù hợp quy hoạch phát triển chung của Nhà nước, phù hợp với định hướng phát triển của ngành thực phẩm trong nước trong thời gian tới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ sở pháp lý để chuyển đổi thành Công ty cổ phần

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định;
- Thực hiện văn bản số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015;
- Căn cứ Quyết định 2193/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ngày 16/3/2013 về việc ban hành các quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội năm 2014;
- Thực hiện kế hoạch số 191/KH-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ngày 30/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội năm 2014;
- Căn cứ Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao kế hoạch tiến độ thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội năm 2014-2015.

2. Mục tiêu của việc chuyển đổi thành công ty cổ phần

Mục tiêu, yêu cầu của việc chuyên doanh nghiệp Nhà nước 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội tuân theo chủ trương của Chính Phủ như sau:

- Theo Quyết định số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2015.
- Loại hình Doanh nghiệp: Thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định 59/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 “Về việc chuyên doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần”. Theo đó nhằm chuyển đổi những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100%

vốn sang loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu; huy động vốn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Thực hiện Cổ phần hóa nhằm các mục tiêu:

- Thực hiện cổ phần hóa nhằm huy động vốn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

3. Điều kiện cổ phần hóa

- Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND Thành phố Hà Nội và các cơ quan Ban ngành của Thành phố Hà Nội, đặc biệt là của TCT Thương mại Hà Nội. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện quá trình cổ phần hoá.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần.
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để công tác cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để.
- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá, sẵn sàng tham gia góp vốn mua cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

4. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ theo tình hình thực tế và quy định tại điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty lựa chọn hình thức cổ phần hóa là ***“kết hợp vừa bán hết phần vốn Nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”***.

5. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

- Tên đầy đủ của Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TIC HÀ NỘI**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **HANOI TIC TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : TIC HA NOI.,JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 93 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
- Điện thoại : (04) 37676269
- Fax : (04) 37470434
- Email : tic@haprogroup.vn
- Website :
- Biểu tượng

Hapro



5.1. Ngành nghề kinh doanh

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội dự kiến kinh doanh các ngành nghề cụ thể như sau:

Stt	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm;	4632
2	Bán buôn đồ uống;	4633
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chi tiết: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
4	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
5	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	4711
6	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.	4719
7	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;	4721
8	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722

9	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
10	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
11	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230
13	Dịch vụ đóng gói;	8292
14	Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý);	4610
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh)	8299
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

6. Cơ cấu tổ chức và sử dụng lao động

6.1. Cơ cấu sử dụng lao động khi cổ phần

Hội đồng quản trị	:	03 người
Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm)	:	<i>Từ 1 đến 3 người</i>
<i>Ban Giám đốc (kiêm nhiệm)</i>	:	<i>02 người</i>
Trong đó		
+ Giám đốc	:	01
+ Phó Giám đốc	:	01
Các phòng ban chức năng	:	15 người
Trong đó	:	
+ Phòng Tổ chức tổng hợp	:	03
+ Phòng Kế toán tài chính	:	02
+ Phòng Kinh doanh 2	:	05
+ Phòng Kinh doanh 3	:	05

6.2. Xử lý lao động khi cổ phần:

+ Lao động chuyển sang Công ty Cổ phần	:	09 người
+ Lao động dôi dư sẽ phải nghỉ việc	:	02 người

Trong đó:

- Hưu trí : 0 người
- Dôi dư phải nghỉ việc : 02 người
- Dự kiến tuyển dụng thêm lao động mới : 09 người

7. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ : **20 tỷ đồng.**
- Tổng số cổ phần : 2.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá một cổ phần là : 10.000 đồng.

8. Phương án sản xuất kinh doanh:

8.1. Xác định lĩnh vực và ngành hàng kinh doanh

Trong khoảng 3 đến 5 năm sau khi hoàn thành cổ phần hóa, trên cơ sở điều kiện thực tế về cơ sở hạ tầng và nhân lực, với những thế mạnh hiện có như:

- Trụ sở hiện tại của Công ty đặt tại vị trí thuận lợi cho hoạt động thương mại, dịch vụ;
- Công ty có đội ngũ cán bộ, CNVCLĐ có chuyên môn và kỹ thuật lao động tốt, lượng hàng dự trữ dồi dào và có lượng khách ổn định.
- Xác định gạo là mặt hàng chủ lực của Công ty để thúc đẩy kinh doanh, nâng cao doanh số bán hàng vào hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, các bếp ăn và mạng lưới khách hàng truyền thống của Tổng công ty.
- Nghiên cứu và có kế hoạch mở rộng kinh doanh nhiều mặt hàng kinh doanh thương mại khác trên cơ sở nhu cầu thực tế của thị trường.

8.2. Những thuận lợi và khó khăn khi chuyển sang công ty cổ phần

• Thuận lợi:

- Trong nhiều năm công ty đã có hệ thống khách hàng thân thiết và nguồn hàng phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại; phù hợp với tính hình thực tế của Công ty.
- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty ít, nhưng đều là cán bộ cũ lâu năm của Công ty nên có kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ kinh doanh thương mại...

• Khó khăn:

- Do tình hình lỗ lũy kế kéo dài qua nhiều năm nên để tình hình sản xuất kinh doanh của công ty cải thiện đến có lãi cũng rất khó khăn. Công nợ tồn đọng lớn, việc trang trải công nợ đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn mới thanh toán được các khoản nợ đã quá hạn.
- Tình hình SXKD của Công ty gặp khó khăn, thu nhập của CBCNV thấp không khuyến khích được người lao động, nên số lượng CBCNV ít và chưa thật ổn định.

- Tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại ngày càng gay gắt, quyết liệt, sức mua của thị trường, đặc biệt là thị trường gạo ngày càng giảm sút, cạnh tranh với tư nhân ở thị trường truyền thống rất khó khăn, nên rất cần có đội ngũ cán bộ kinh doanh có khả năng triển khai công việc tốt, chịu được áp lực cao.

8.3. Dự kiến các chỉ tiêu chính 3 năm sau Cổ phần hóa từ 2015 đến 2017:

- Cố gắng duy trì mở rộng mặt hàng với đối tác mới nhằm tăng doanh thu lợi nhuận. Giao nhiệm vụ cho từng phòng ban, bộ phận khai thác thêm các mặt hàng mới để tăng cường đẩy mạnh kinh doanh.
- Tiếp tục rà soát, bố trí sắp xếp nhân sự cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần, xây dựng bổ sung quy chế trả lương trong công ty đủ để khuyến khích người lao động năng động trong việc thực thi nhiệm vụ, nhằm duy trì và thu hút thêm lao động có chất lượng.
- Triệt để tiết kiệm trong quản lý, cắt giảm tất cả các chi phí không cần thiết, ưu tiên tối đa vốn cho kinh doanh.

Bảng 11: Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh 03 năm sau khi cổ phần hóa

Đvt: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	SS năm 2015 /2014 (%)	Năm 2016	SS năm 2016 /2015 (%)	Năm 2017	SS năm 2017 /2016 (%)	Năm 2018	SS năm 2018 /2017 (%)
1	Vốn điều lệ	5.833	5.833	100	20.000	342	20.000	100	20.000	100
2	Tổng Doanh thu (= a + b + c)	9.423	4.003,7	42,49	4.142	103,76	4.317,4	104,6	4.533,3	105
a	Doanh thu bán hàng hóa	3.581	3.681,3	102,8	3.819,6	103,76	3.995	104,6	4.210,9	105,4
b	Doanh thu dịch vụ	387	322,4	83,31	322,4	100	322,4	100	322,4	100
c	Doanh thu HĐTC	5.455	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Đầu tư xây dựng cơ bản	391,9	391,9	100	391,9	100	391,9	100	391,9	100

4	Tổng chi phí	7.268	3.860,6	113,9	3.947,5	102,2	4.033,12	102,2	4.146,26	102,8
5	Các khoản nộp ngân sách	2	2.06	103	2.15	104,37	2,28	106	2,44	107
6	Lợi nhuận trước thuế	2.155	141	5,13	192,3	136,4	282	146,6	384,6	136,4
7	Lợi nhuận sau thuế	1.168	110	6,24	160	145,45	220	137,5	300	136,4
8	Tổng quỹ lương	285	300	105	358	119	386	108	414	107
9	Tổng số Lao động bình quân	11	11	100	13	118,18	14	115,38	15	115,38
10	Thu nhập BQ tháng của người lao động	2,2	2,3	105	2,3	100	2,3	100	2,3	100
11	Tỷ lệ cổ tức	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Phương án sản xuất kinh doanh sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội)

9. Các giải pháp thực hiện kinh doanh

9.1. Giải pháp về kinh doanh :

- Cố gắng duy trì và mở rộng các mặt hàng với các đối tác mới nhằm tăng doanh thu lợi nhuận. Khai thác thêm các mặt hàng kinh doanh mới để tăng cường công tác kinh doanh, tìm kiếm các đối tác là các nhà sản xuất để thực hiện chức năng nhà phân phối, bán buôn sản phẩm hàng hóa.
- Xác định gạo là mặt hàng chủ lực của Công ty để thúc đẩy kinh doanh, nâng cao doanh số bán hàng vào hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, các bếp ăn và mạng lưới khách hàng truyền thống.
- Đẩy mạnh đầu tư áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý sản xuất kinh doanh nhất là công nghệ quản trị kinh doanh, quản lý nhân sự, áp dụng các phương thức quản lý tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng kinh doanh và dịch vụ.
- Phát huy vai trò và sức mạnh của các tổ chức đoàn thể chính trị.

- Đề cao và phát huy sức mạnh đoàn kết, dân chủ, công bằng văn minh.

9.2 Giải pháp nâng cao năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực:

- Sử dụng nguồn nhân lực hiện có, đào tạo và đào tạo lại theo hướng chuyên môn hóa. Tuyển lao động mới theo yêu cầu của công việc. Công ty xây dựng quy chế trả lương theo cấp bậc, công việc, có cơ chế phụ cấp rõ ràng trên cơ sở đánh giá đúng trách nhiệm và hiệu quả công việc. Mức thu nhập của người lao động ngày càng được nâng cao. Có chính sách khuyến khích lao động tăng năng suất, sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm thu hút nhân tài.
- Tinh giản các Phòng ban quản lý, giảm chi phí khối văn phòng nhưng vẫn phải bảo đảm thực hiện tốt công việc.
- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao trình độ cũng như trang thiết bị máy tính, nối mạng bảo đảm giảm thiểu chi phí văn phòng phẩm, nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc. Tiết giảm chi phí điện, nước, thực hành tiết kiệm trong tất cả các công việc.

*** Về lao động:**

- Định biên đúng số lượng lao động gắn với công việc kể cả các Phòng ban chức năng, khối văn phòng Công ty, bộ máy quản lý kinh doanh và người trực tiếp lao động sản xuất kinh doanh. Lựa chọn những lao động còn độ tuổi có bằng cấp, năng lực, trình độ đáp ứng được yêu cầu công việc để sử dụng tiếp.
- Tiêu chuẩn hóa đội ngũ lao động sau khi Cổ phần trên cơ sở đội ngũ cán bộ quản lý có tính chuyên nghiệp gọn nhẹ; lao động trực tiếp (nhân viên) đáp ứng yêu cầu văn minh, hiện đại.
- Công tác tuyển dụng lao động: xây dựng cụ thể quy chế tuyển dụng, kế hoạch bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực trẻ gắn đào tạo cơ bản với tăng cường công tác đào tạo tại chỗ.
- Tạo cơ hội cho người lao động phát huy tính năng động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh.

*** Về tiền lương:**

- Xây dựng quy chế trả lương theo chức vụ và vị trí công việc, trên cơ sở quy định của Nghị định 49/2013/NĐ-CP, 50/2013/NĐ-CP của Chính phủ.
- Bảo đảm thu nhập cần thiết cho người lao động.
- Có quy chế khuyến khích khen thưởng, kỷ luật rõ ràng cho từng bộ phận chuyên môn, tăng năng suất, bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Đối với người lao động và đơn vị gây ra thiệt hại và vi phạm quy định, nội quy, quy chế của Công ty sẽ có những hình thức kỷ luật và hình thức bồi thường về kinh tế.

9.3 Giải pháp về đào tạo:

- Nâng cao trình độ quản lý của Ban lãnh đạo Công ty thông qua các lớp đào tạo quản lý.

Đào tạo chuyên sâu kiến thức chuyên ngành cho phụ trách các Phòng ban và Trưởng phó các đơn vị trong Công ty.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về các Nghị định, Thông tư của các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm áp dụng một cách hiệu quả các chính sách trong công tác quản lý doanh nghiệp.
- Tăng cường đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho toàn thể CBCNV Công ty. Thái độ phục vụ, năng lực hoạt động của nhân viên là nhân tố quan trọng đối với loại hình kinh doanh của Công ty.

9.4 Giải pháp về vốn:

Trong sản xuất kinh doanh vốn là một trong yếu tố quyết định hiệu quả kinh doanh. Chính vì vậy phương án về vốn luôn là nhiệm vụ thường xuyên, cụ thể:

Huy động vốn:

- Có biện pháp thu hút, kêu gọi vốn đầu tư của các nhà đầu tư quan tâm.
- Tăng cường quan hệ để vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng.
- Huy động vốn từ các nguồn khác.
- Đối với vốn phục vụ cho đầu tư nâng cấp cải tạo mạng lưới kinh doanh Công ty sẽ huy động vốn nhân rồi của cán bộ, công nhân viên trong Công ty hoặc kêu gọi đầu tư.

Quản lý vốn:

Xác định công tác quản lý vốn là một trong những công tác rất quan trọng, nhưng việc quản lý vốn phải gắn liền với sử dụng vốn có hiệu quả trên cơ sở:

- Quản lý vốn chặt chẽ, tăng cường và đề ra các giải pháp cụ thể để thu hồi các khoản công nợ, giảm thiểu rủi ro thất thoát cho công ty để trả lại nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.
- Hạch toán chính xác tính đầy đủ khấu hao tài sản.
- Khai thác tối đa công suất trang thiết bị nhằm giảm chi phí, hạ giá thành.
- Khai thác hiệu quả lợi thế thương mại và nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới.
- Tận thu các nguồn lực tài chính.
- Tiết giảm chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- Thực hiện đúng các chế độ qui định về tài chính.
- Đối với vốn lưu động: Quản lý chặt chẽ hàng hóa tồn kho, tiền mặt, các khoản phải thu và vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản. Có qui chế và trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác quản lý tài chính.

PHẦN V: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ : **20.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn)
- Số cổ phần : **2.000.000 cổ phần** (Bằng chữ: Hai triệu cổ phần)
- Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phần** (Bằng chữ: Mười nghìn đồng chẵn)

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là Cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và Pháp luật có liên quan.

2. Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng số 12: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến

TT		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (tỷ đồng)	Số cổ phần
1	Cổ đông Nhà nước	0%	0	0
2	Cổ đông là CBCNV được mua ưu đãi	0,38%	76.000.000	7.600
3	Cổ đông là CBCNV được mua thêm tối đa 2000Cp/người	0%	-	-
4	Cổ đông bên ngoài	99,62%	19.924.000.000	1.992.400
	Tổng cộng	100%	20.000.000.000	2.000.000

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội)

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội nói riêng.

Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế tăng trưởng hay suy giảm đều có những ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển

của hoạt động của thực phẩm, hàng tiêu dùng. Kinh tế phát triển người dân có đời sống cao hơn dẫn đến sự gia tăng nhu cầu mua bán hàng hoá tiêu dùng, thực phẩm chất lượng cao để nâng cao chất lượng đời sống... đó là những mặt hàng mà Công ty đang kinh doanh. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm dẫn tới khả năng và nhu cầu về các sản phẩm hàng hóa thực phẩm chất lượng tốt cũng giảm đáng kể và ảnh hưởng tới việc doanh thu hàng hoá dịch vụ của Công ty. Năm 2014, đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế trong nước và thế giới. Theo tổng cục Thống kê tại buổi họp báo chiều ngày 27/12/2014, theo đó, năm 2014 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 5,9%, đưa Việt Nam trở thành nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 2 trên thế giới (sau Trung Quốc). Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013. Bước sang năm 2015, khi mà Nhà nước đang mạnh tay cải cách và tái cấu trúc lại toàn bộ nền kinh tế, các Tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước và tiếp tục thắt chặt chi tiêu, đầu tư công trong năm 2015 thì nền kinh tế nói chung và ngành sản xuất lượng thực phẩm nói riêng vẫn chịu những tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của ngành nói chung và cũng như ảnh hưởng lớn đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty nói riêng.

Rủi ro lạm phát

Nền kinh tế của Việt Nam luôn phải đối mặt với tình trạng khó khăn phải lựa chọn giữa mục tiêu lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2014 giảm 0,24% so với tháng trước và chỉ tăng 1,84% so với tháng 12-2013. Như vậy, CPI năm 2014 bình quân mỗi tháng chỉ tăng 0,15%, tăng thấp nhất trong 10 năm gần đây. Theo đó, CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với năm 2013. Năm 2014, lạm phát giảm còn 3%. Đây là con số khá thấp so với dự đoán là 7% trước đây.

Lạm phát thấp mang lại niềm vui cho người tiêu dùng; sự an tâm cho các nhà đầu tư, sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện cho các nhà hoạch định chính sách và quản lý, điều hành vĩ mô yên tâm hơn trong việc đề ra và thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường.. Song, các chuyên gia kinh tế đã bày tỏ những lo lắng về việc sức mua quá yếu sẽ tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế và hoạt động của các doanh nghiệp.

Rủi ro lãi suất

Trong năm 2014, lãi suất huy động và cho vay có xu hướng giảm nhẹ. Lãi suất huy động không kỳ hạn giảm xuống còn 1,2%/năm, lãi suất huy động có kỳ hạn giảm còn 6%/năm. Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục giảm các mức lãi suất chủ chốt. Với định hướng duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế, quyết định điều chỉnh giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước là khá hợp lý trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát tốt ở mức thấp và thanh khoản hệ thống đang khá tốt trong khi tăng trưởng tín dụng chưa được đẩy mạnh.

Trong năm 2014, chính sách tiền tệ đã được hoạch định theo phương châm “lãi suất theo sau lạm phát, chứ không đi trước lạm phát” như trong các năm 2012-2013. Điều này được thể

hiện qua việc NHNN điều hành lãi suất dựa trên mức lạm phát trung bình nhiều hơn là mức lạm phát cùng kỳ. Bởi vậy, khi lạm phát giảm nhanh ngoài dự đoán, lãi suất cho vay và huy động đã không giảm theo một cách kịp thời. Ngoài ra, việc dự báo và đặt mục tiêu lạm phát ở mức cao cũng góp phần dẫn đến lãi suất huy động và cho vay bị neo ở mức cao và giảm chậm hơn so với những diễn biến của lạm phát trên thực tế.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

2. Rủi ro pháp lý

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong vấn đề đất đai nói riêng và hệ thống văn bản pháp quy nói chung. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Thương mại... Theo dự kiến, các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng phần nào tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

Là doanh nghiệp Nhà nước đang chuyển đổi sang hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến cổ phần hóa, Luật doanh nghiệp, luật thuế, quy định về Công ty cổ phần...

Sau khi chuyển đổi, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần do vậy sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp.

Rủi ro pháp lý liên quan đến các thay đổi, bổ sung các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, hay luật thuế. Những thay đổi trong chính sách quản lý, điều hành từ các cơ quan chủ quản sẽ tác động trực tiếp đến hoạt

động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Lúa gạo và các sản phẩm từ gạo là lương thực phổ biến của người Việt. Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ 3 thế giới. Tuy nhiên, ngay chính trên sân nhà, nơi có trên 90 triệu người tiêu dùng gạo và các sản phẩm từ gạo mà gạo của Việt Nam lại chưa thực sự được quan tâm, đầu tư đúng tầm. Nhiều doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất, gia công chế biến gạo gặp tình trạng khó khăn, không phát triển được thị trường, không được nhiều người tiêu dùng quan tâm do sản phẩm sản xuất ra không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giá thành đắt và còn do tâm lý sính ngoại của người dân. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp cung cấp sản phẩm gạo của nước ngoài đã có chỗ đứng vững chắc và phát triển mạnh tại thị trường trong nước, họ không chỉ cung cấp ra thị trường những mặt hàng gạo cao cấp giá thành cao, mà còn có thêm những mặt hàng chất lượng trung bình với giá cả tương đương để cạnh tranh với các sản phẩm trong nước

Đó là thách thức khá lớn đối với nền nông nghiệp Việt Nam nói chung và ngành gia công chế biến gạo đóng túi nói riêng. Chính vì vậy, Nhà nước và các bộ ban ngành cần nhìn lại vấn đề để đưa ra những giải pháp hỗ trợ nhằm góp phần đưa ngành sản xuất gạo và gia công chế biến gạo đóng túi phát triển mạnh mẽ hơn nữa để không để trống thị trường nội địa và các khu vực lân cận.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt phát hành ra công chúng lần đầu của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội nhằm mục đích bán một phần vốn Nhà nước và chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Tuy nhiên, trong thời điểm hiện tại và trong thời gian sắp tới, thị trường chứng khoán có nhiều dấu hiệu chưa ổn định, các nhà đầu tư đang hết sức thận trọng, do vậy việc phát hành lần này của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội bị ảnh hưởng khá lớn. Giá bán phải ở mức hấp dẫn để thu hút sự tham gia, quan tâm của các nhà đầu tư.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm hiện tại âm nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty chưa nhiều.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội.

II. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

- Đối tượng mua cổ phần:** Đối tượng mua cổ phần bao gồm người lao động hiện có tại doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua đấu giá (Theo điều 6 và điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP), nhà đầu tư chiến lược .
- Đối với cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực Nhà nước tại doanh nghiệp:** giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Thời gian thực hiện: theo thông báo của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội sau khi có kết quả bán đấu giá cổ phần lần đầu.

3. Đối với cổ phần bán đấu giá công khai:

- Số lượng cổ phần chào bán: **1.992.400 cổ phần**
- Tổng giá trị cổ phần chào bán: **19.924.000.000 đồng** (chiếm tỷ lệ 99,62% vốn điều lệ)
- Giá khởi điểm chào bán cổ phần lần đầu: **10.000 đồng/1 cổ phần**

Phương thức bán và thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quy định chi tiết tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội” do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

Tổng số tiền thu được từ cổ phần hoá doanh nghiệp sẽ được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa. Việc tính toán số tiền này dựa trên các giả định: giá bán cổ phần giả sử bằng giá khởi điểm đấu giá theo đề xuất (10.000 đồng/cổ phần), giá đấu giá thành công bằng giá khởi điểm và số lượng cổ phần chào bán được bán hết. Số liệu cuối cùng sẽ căn cứ theo kết quả thực tế quá trình bán cổ phần để cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội.

Bảng 13: Bảng dự toán Doanh thu, Chi phí từ bán cổ phần của Công ty

STT	Nội dung	Số lượng (CP)	Giá bán (đồng/CP)	Giá trị (đồng)
1	Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc bán cổ phần.	2.000.000	10.000	20.000.000.000
	<i>Trong đó : Tiền bán phần vốn Nhà nước thu được:</i>	<i>47.455</i>	<i>10.000</i>	<i>474.553.161</i>
a	Bán cho người lao động theo năm	7.600	10.000	76.000.000

	công tác			
b	Bán cho người LĐ theo cam kết làm việc	0	0	0
c	Đối tác chiến lược	0	0	0
d	Bán cho các nhà đầu tư khác thông qua đấu giá	1.992.400	10.000	19.924.000.000
2	Chi phí cổ phần hóa			200.000.000
3	Chi phí giải quyết chế độ cho số lao động dôi dư			271.497.000
4	Phần giá trị cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp			19.525.446.839
5	Số tiền thu từ bán phần vốn nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi phí			3.056.161

IV. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HOÁ

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/09/2014 quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp Nhà nước, Công ty cam kết thực hiện các nghĩa vụ:

- a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hoá phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hoá đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a nêu trên, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hoá phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Sau khi chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty cam kết sẽ thực hiện theo đúng quy định tại điều 14 Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 05/09/2014 về việc đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán

V. NHỮNG CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội

- Trưởng ban: **Ông Phạm Công Bình** – Phó Giám đốc Sở tài chính Hà Nội, Phó trưởng ban Thường trực Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp TP Hà Nội
- Phó trưởng ban: **Ông Nguyễn Hữu Thắng** - Chủ tịch hội đồng thành viên Tổng công ty Thương mại Hà Nội

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.

2. Đại diện Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội

- Ông **Trần Văn Cương** : Chức vụ Giám đốc Công ty
- Bà **Nguyễn Tuyết Trinh** : Chức vụ Trưởng phòng kế toán tài chính
- Bà **Nguyễn Thị Thanh Tình** : Chức vụ Trưởng phòng tổ chức tổng hợp

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội.

3. Đại diện Tổ chức Tư vấn

- Ông **Nguyễn Việt Thắng** : Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall

Theo giấy Ủy quyền số 08/2013WSS-UQ ngày 26/11/2013 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc xây dựng và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ đúng trình tự bắt buộc theo quy định của pháp luật nhưng không bao hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội.

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ
TRƯỞNG BAN**



Phạm Công Bình

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Trần Văn Cương

Nguyễn Tuyết Trinh

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL
P. TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Viết Thắng